



yú shì wú bǔ
于事无补

idiom (predicate) · of no help to the matter

Example Sentences

xiàn zài hòu huǐ yě yú shì wú bǔ
现在后悔也于事无补。

Regretting now is of no help to the matter.

guāng bào yuàn yú shì wú bǔ bù rú xiǎng bàn fǎ jiě jué
光抱怨于事无补，不如想办法解决。

Just complaining is of no help; better think of a way to solve it.

Trace each character, then write the word on your own.

于	于	于	于	于	于						
事	事	事	事	事	事	事	事	事	事	事	事
无	无	无	无	无	无	无					
补	补	补	补	补	补	补	补	补	补	补	补